CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ này 01 tháng 02 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng công nghệ thông tin,[1]

---

[1] Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng công nghệ thông tin,"

QUY ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, bao gồm:

1. Cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

2. Tạm đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

3. Cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

4.[2] Chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

5[3]. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng.

6. Công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số tại Việt Nam.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
HỒ SƠ

Điều 3. Hồ sơ xin cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tuân theo các quy định tại Điều 16 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó:

a) Đơn đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mẫu tại Phụ lục I Thông tư này;

b) Quy chế chứng thực tuân theo quy định tại Quyết định số 59/2008/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2008 ban hành Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

c) Thông tin chi tiết về nhân thân, trình độ và bằng cấp theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP của người đứng đầu, người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, người phụ trách cấp phát chứng thư số và các nhân viên có liên quan khác.

2. Hồ sơ xin thay đổi nội dung giấy phép tuân theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó:

a) Giấy đề nghị thay đổi nội dung giấy phép theo mẫu tại Phụ lục II Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình hoạt động phải bao gồm các nội dung sau: tình hình chung; số lượng chứng thư số đã được cấp phát phân loại theo chứng thư số; số lượng chứng thư số bị thu hồi phân loại theo chứng thư số; tổng số chứng thư số đang có hiệu lực phân loại theo chứng thư số.

3. Trường hợp xin cấp lại giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư này.

4. Hồ sơ xin gia hạn giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng còn hiệu lực ít nhất 60 ngày tính từ ngày nộp hồ sơ xin gia hạn giấy phép;

c) Báo cáo tình hình hoạt động cung cấp dịch vụ trong 3 năm gần nhất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 4. Hồ sơ xin cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

1. Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

2. Các giấy tờ tuân theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó:

a) Đơn xin cấp chứng thư số theo mẫu tại Phụ lục V Thông tư này;

b) Các giấy tờ được quy định trong quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia được công bố tại Trang thông tin điện tử http://www.rootca.gov.vn.

3. Yêu cầu cấp phát chứng thư số dưới dạng điện tử theo tiêu chuẩn về chữ ký số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Yêu cầu này phải do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tạo ra và phải tương ứng với cặp khóa của mình.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

1. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng theo mẫu tại Phụ lục VI Thông tư này.

Nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng tuân theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP.

2. Văn bản chứng minh đối tượng được cung cấp dịch vụ có cùng tính chất hoạt động hoặc mục đích công việc và được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng[4]

Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng tuân theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó:

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng theo mẫu tại Phụ lục VII Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài

Hồ sơ đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài tuân theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, trong đó:

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

1. Đơn đề nghị công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục VIII Thông tư này.

2. Bản nội dung gốc và bản dịch ra tiếng Việt của điều ước quốc tế có quy định về việc công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài mà Việt Nam có ký kết hoặc tham gia với quốc gia nơi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đó đăng ký hoạt động.

3. Bản sao hợp lệ (có công chứng hoặc một hình thức chứng nhận hợp pháp khác) giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số tại nước sở tại.

4. Giấy chứng nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đang hoạt động được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp trong vòng 03 tháng trước ngày nộp hồ sơ đăng ký.

5. Các tài liệu kỹ thuật chứng minh độ tin cậy của chữ ký số và chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài đó cấp không thấp hơn độ tin cậy của chữ ký số và chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Việt Nam, tối thiểu phải đáp ứng các tiêu chuẩn thuộc Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

6. Bản sao hợp lệ giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Mục 2
QUY TRÌNH THỦ TỤC

Điều 8. Thủ tục cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng[5]

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức xin cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (thuộc các trường hợp cấp mới; thay đổi nội dung; cấp lại; gia hạn giấy phép) gửi hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức xin cấp phép.

---

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp phép, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp phép.

2. Tổ chức thẩm tra hồ sơ.

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra hồ sơ và lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định. Các cơ quan, đơn vị được hỏi phải có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của hồ sơ thuộc chức năng quản lý của mình.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định: cấp phép; thay đổi nội dung giấy phép; cấp lại hoặc gia hạn giấy phép. Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mẫu tại Phụ lục IX Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp phép, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 9. Thủ tục tạm đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng bị tạm đình chỉ giấy phép khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP; bị thu hồi giấy phép khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định tạm đình chỉ giấy phép, nếu tổ chức có giấy phép bị tạm đình chỉ không khắc phục xong điều kiện bị tạm đình chỉ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành thu hồi giấy phép theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP.

Các trường hợp bị thu hồi giấy phép khác theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định thu hồi giấy phép sau khi có thông báo bằng văn bản cho tổ chức.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành khôi phục giấy phép nếu tổ chức bị tạm đình chỉ giấy phép khắc phục xong điều kiện bị tạm đình chỉ theo đúng thời hạn quy định.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia công bố việc tạm đình chỉ, khôi phục hoặc thu hồi giấy phép trên Trang thông tin điện tử http://www.rootca.gov.vn và thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 10. Thủ tục cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

1.[6] Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng xin cấp chứng thư số gửi 05 bộ hồ sơ (1 bộ là bản chính, 4 bộ là bản sao) qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến trụ sở của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia (Trung tâm Chứng thực chữ ký số quốc gia) tại địa chỉ: số 6 Chùa Một Cột, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức xin cấp chứng thư số.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp chứng thư số, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức xin cấp chứng thư số.

2. Tổ chức thẩm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia tổ chức thẩm tra hồ sơ và xem xét việc xin cấp chứng thư số;

b) Trường hợp khóa công khai của tổ chức xin cấp chứng thư số trùng với khóa công khai của một trong các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đã được cấp chứng thư số thì Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia đề nghị tổ chức xin cấp chứng thư số tạo lại cặp khóa;

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

c) Thẩm tra thực tế các điều kiện để được cấp chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

3. Cấp chứng thư số

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia cấp chứng thư số cho tổ chức xin cấp chứng thư số nếu hồ sơ hợp lệ và các điều kiện được đáp ứng;

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia chuyển chứng thư số và văn bản thông báo cấp chứng thư số cho tổ chức xin cấp chứng thư số và cập nhật thông tin lên Trang thông tin điện tử tại địa chỉ http://www.rootca.gov.vn;

Duy trì trực tuyến cơ sở dữ liệu về chứng thư số đã cấp phát tại địa chỉ http://www.rootca.gov.vn.

Điều 11. Thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng[7]

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

2. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

a) Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng;

---

[7] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

b) Trong vòng 60 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng theo mẫu tại Phụ lục X Thông tư này.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng[8]

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

2. Tổ chức thẩm tra hồ sơ

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra hồ sơ và lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định. Các cơ quan, đơn vị được hỏi phải có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của hồ sơ thuộc chức năng quản lý của mình.

---

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng. Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng theo mẫu tại Phụ lục XI Thông tư này.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 13. Thủ tục công nhận chữ ký số, chứng thư số nước ngoài[9]

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin), 18 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) cấp giấy biên nhận qua đường bưu điện hoặc cấp trực tiếp cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài, trong đó hẹn ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp không hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài.

2. Tổ chức thẩm tra hồ sơ

Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Các cơ quan, đơn vị được hỏi phải có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của hồ sơ thuộc chức năng quản lý của mình.

---

[9] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trường hợp chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài. Giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục XII Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT.

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 14. Phí và lệ phí

Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp phí và lệ phí khi thực hiện các thủ tục cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số. Trung tâm Chứng thực chữ ký số quốc gia tổ chức thực hiện việc thu nộp phí và lệ phí theo đúng các quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Ứng dụng công nghệ thông tin

1. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận dịch vụ chứng thực chữ ký số theo đúng các nội dung hướng dẫn trong Thông tư này.

2. Thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

3. Đăng tải các biểu mẫu và văn bản có liên quan đến các thủ tục cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số tại Trang thông tin điện tử http://www.rootca.gov.vn. Trung tâm Chứng thực chữ ký số quốc gia chịu trách nhiệm hướng dẫn về các biểu mẫu và cập nhật các thông tin liên quan đến việc cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số lên Trang thông tin điện tử này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành[10]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2010.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cá nhân, đơn vị liên quan cần phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 2209/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng

[10] Điều 3 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 quy định như sau:

"Điều 3. *Hiệu lực thi hành*

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét giải quyết."

Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên doanh nghiệp)

Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các nội dung sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp xin cấp phép

Tên giao dịch tiếng Việt:

Tên viết tắt tiếng Việt:

Tên giao dịch tiếng Anh:

Tên viết tắt tiếng Anh:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư) số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Số tài khoản:..... Tại:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

E-mail:..... Website:

Tên và địa chỉ liên lạc của người đứng đầu hệ thống:

Tên và địa chỉ liên lạc của người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống:

Tên và địa chỉ liên lạc của người phụ trách cấp phát chứng thư số:

2. Hồ sơ xin cấp phép gửi kèm

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
...			

3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của doanh nghiệp)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục II

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên doanh nghiệp)

Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số...../GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày... tháng... năm...,

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông thay đổi nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số...../GP-BTTTT như sau:

1. Nội dung giấy phép cần thay đổi

2. Lý do thay đổi nội dung giấy phép

3. Hồ sơ xin thay đổi nội dung giấy phép gửi kèm

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
...			

4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của doanh nghiệp)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục III

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên doanh nghiệp)

Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số...../GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày... tháng... năm...,

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp lại Giấy phép số.../GP-BTTTT với các nội dung sau:

Tên giao dịch của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng xin cấp lại giấy phép

2. Lý do xin cấp lại giấy phép

3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của doanh nghiệp)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên doanh nghiệp)

Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số.../GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày...tháng...năm...,

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số.../GP-BTTTT như sau:

Tên giao dịch của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng xin gia hạn giấy phép

Lý do xin gia hạn giấy phép

Thời hạn xin gia hạn giấy phép

Hồ sơ xin gia hạn gửi kèm

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
...			

Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của doanh nghiệp)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục V

MẪU ĐƠN XIN CẤP CHỨNG THƯ SỐ CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN XIN CẤP CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Trung tâm Chứng thực chữ ký số quốc gia

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số...../GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày... tháng... năm...,

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) đề nghị Trung tâm Chứng thực chữ ký số quốc gia cấp chứng thư số với nội dung sau:

1. Thông tin về tổ chức

Tên giao dịch của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

Tên giao dịch tiếng Anh:

Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số.../GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày...tháng...năm...

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Website:

2. Hồ sơ xin cấp chứng thư số gửi kèm

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
...			

3. Cam kết

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục VI

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG[11]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...	*....., ngày... tháng... năm...*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng với các nội dung sau:

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức

- Tên giao dịch tiếng Việt:

.....

[11] Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

- Tên giao dịch tiếng Anh:

.....

- Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh số:... do... cấp ngày... tháng... năm...

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại cơ quan:..... Fax: .....

- Email:..... Website: .....

2. Nội dung đăng ký:

- Thông tin chi tiết về người đứng đầu: .....

- Thông tin chi tiết về người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống:.....

- Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ:

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* theo quy định tại:... *(Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung)*

Các giao dịch điện tử giữa *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* và các tổ chức..... theo quy định tại Văn bản số:... *(Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung)*

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng: .....

.....

.....

.....

3. Tài liệu gửi kèm theo

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

4. Cam kết

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục VII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG[12]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...	*....., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng *(Tên tổ chức)*.

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) có trụ sở tại..., có Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh số:... do... cấp ngày... tháng... năm... đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng với các nội dung sau:

1. Nội dung giấy đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

a) Tên và địa chỉ của tổ chức cung cấp dịch vụ:

.....

.....

[12] Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

b) Người đứng đầu và người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống:

.....

.....

c) Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ:

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* theo quy định tại:... *(Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung)*

Các giao dịch điện tử giữa *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* và các tổ chức..... theo quy định tại Văn bản số:... *(Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung)*

d) Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng:

.....

.....

.....

2. Loại chứng thư số

.....

.....

.....

3. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số gửi kèm

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

5. Cam kết

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo đơn đề nghị số...)

Số TT	Loại chuẩn	Tên chuẩn
1		
2		
3		
...		

Phụ lục VIII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHỮ KÝ SỐ VÀ CHỨNG THƯ SỐ NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tên tổ chức)

Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHỮ KÝ SỐ VÀ CHỨNG THƯ SỐ NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài với các nội dung sau:

1. Thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài

Tên giao dịch tiếng Anh:

Tên viết tắt tiếng Anh:

Tên giao dịch tiếng Việt (nếu có):

Giấy phép (hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực chữ ký số) số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Trụ sở chính tại:

Điện thoại:..... Fax:

E-mail:..... Website:

Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ:

Loại chứng thư số:

Thời hạn giấy phép:

Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng (có thể trình bày trong tài liệu riêng biệt):

2. Thông tin về văn phòng đại diện tại Việt Nam

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam số:

Số tài khoản tại Việt Nam:

Tên người đứng đầu văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:

E-mail:..... Website:

3. Hồ sơ đề nghị công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài gửi kèm

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
...			

4. Cam kết

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài) cam kết xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

(Người đại diện của tổ chức)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục IX
MẪU GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../GP-BTTTT	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG
(Có giá trị đến hết ngày.../.../....)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét Đơn kèm Hồ sơ xin cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng ngày... tháng... năm... của (Tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng công nghệ thông tin,

NAY CHO PHÉP

(TÊN DOANH NGHIỆP)

Tên giao dịch tiếng Anh: (TÊN TIẾNG ANH), có trụ sở tại..., có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:... do... cấp ngày... tháng... năm..., được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với những nội dung cụ thể như sau:

Điều 1.

Tên giao dịch của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng trong các hoạt động công cộng.

Loại chứng thư số

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) được cung cấp các loại chứng thư số sau:

Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) phải tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2.

Ngoài các quy định tại Điều 1, (Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng)

(Kèm theo Giấy phép số.../GP-BTTTT)

Số TT	Loại chuẩn	Tên chuẩn
...		

Phụ lục X

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG[13]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../GCN-BTTTT	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

(Có giá trị từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CHỨNG NHẬN

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

Tên giao dịch tiếng Anh:..., có trụ sở tại..., có Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh số:... do... cấp ngày... tháng... năm..., được hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên và địa chỉ của tổ chức cung cấp dịch vụ:

.....

.....

2. Người đứng đầu và người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống

.....

.....

3. Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) theo quy định tại:... (Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung)

---

[13] Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Các giao dịch điện tử giữa *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* và các tổ chức..... theo quy định tại Văn bản số:... *(Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung)*

4. Loại chứng thư số

.....

.....

5. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm

6. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng được quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước ban hành

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

(Kèm theo Thông báo chấp nhận đăng ký số.../BTTTT-ƯDCNTT)

Số TT	Loại chuẩn	Tên chuẩn
...		

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG[14]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../GCN-BTTTT	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG
(Có giá trị từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...)
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CHỨNG NHẬN
(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

Tên giao dịch tiếng Anh:..., có trụ sở tại..., có Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh số:... do... cấp ngày... tháng... năm... đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên và địa chỉ của tổ chức cung cấp dịch vụ:

.....

.....

2. Người đứng đầu và người chịu trách nhiệm quản trị hệ thống

.....

.....

3. Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ

Các giao dịch điện tử giữa các cá nhân, tổ chức thuộc *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* theo quy định tại:... *(Điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ cấu tổ chức chung)*

Các giao dịch điện tử giữa *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* và các tổ chức..... theo quy định tại Văn bản số:... *(Văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức liên kết, hoạt động chung)*

---

[14] Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

4. Loại chứng thư số

.....

.....

5. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng *(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)* đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm.

6. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng) chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng được quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng)

(Kèm theo Giấy chứng nhận số.../GCN-BTTT)

Số TT	Loại chuẩn	Tên chuẩn
1		
2		
3		
...		

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CÔNG NHẬN CHỮ KÝ SỐ VÀ CHỨNG THƯ SỐ NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
The Ministry of Information and Communications	THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
	Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CÔNG NHẬN
CHỮ KÝ SỐ VÀ CHỨNG THƯ SỐ NƯỚC NGOÀI
Số:.../GCN-BTTTT

CERTIFICATE OF ACCREDITATION
Foreign Digital Signatures and Digital Certificates
Accreditation No:.../GCN-BTTTT

Ngày cấp/Date of issue:...

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: up to...

Căn cứ

Pursuant to

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Pursuant to The Law on E-Transactions passed on November 29th, 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Pursuant to The Decree No. 26/2007/ND-CP issued on February 15th, 2007 on digital signatures and digital signatures authentication services;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông,

Pursuant to The Decree No. 187/2007/ND-CP issued on December 25th, 2007 on the functions, tasks, powers and organizational structure of the Ministry of Information and Communications,

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CÔNG NHẬN

TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ

NƯỚC NGOÀI (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài)

THE MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS

HAS ACCREDITED

THE FOREIGN CERTIFICATION AUTHORITY (Name of foreign certification authority)

Tên tổ chức:

Name of organization:

Trụ sở chính:

Headquarter address:

Giấy phép hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực chữ ký số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Company license to operate as a certification authority... given under the seal of... dated...

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam số:

License to open representative office in Vietnam:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Representative office address:

Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ: Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài..... được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng trong các hoạt động công cộng.

Business scope and subjects of services: The foreign certification authority... is eligible to provide digital signature authentication services for organizations and individuals for public use.

Loại chứng thư số: Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài) được cung cấp các loại chứng thư số sau:

Type of digital certificates: The foreign certificate authority (Name of the foreign certification authority) issues the following types of certificates:

Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng: Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài) đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm.

Technical standards: The technical system of the foreign CA (Name of the foreign certification authority) must comply with the technical standards in the Attachment of this Certificate.

BỘ TRƯỞNG
MINISTER

Phụ lục
ATTACHMENT
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ NƯỚC NGOÀI
(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài)
TECHNICAL STANDARDS OF THE FOREIGN CERTIFICATION AUTHORITY (Name of the foreign certification authority)
(Kèm theo Giấy công nhận số.../GCN-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)
(Enclosed to the certificate of accreditation No:.../GCN-BTTTT dated.../.../... issued by the Minister of the Ministry of Information and Communications)

Số TT/ No	Loại chuẩn/Standard types	Tên chuẩn/ Standard names
	Chuẩn bảo mật HSM Security Standard for Hardware Cryptographic Module	
	Mã hóa phi đối xứng và chữ ký số Asymmetric Cryptography and Digital Signature Standard	
	Mã hóa đối xứng Symmetric Cryptography Standard	
	Hàm băm bảo mật Secure Hash Standard	
	Định dạng chứng thư số và danh sách thu hồi chứng thư số Certificate and Certificate Revocation List (CRL) Profile	
	Cú pháp thông điệp mã hóa Cryptographic Message Syntax Standard	
	Cú pháp thông tin khóa riêng Private-Key Information Syntax Standard	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực Certification Request Syntax Standard	
	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân Personal Information Exchange Syntax Standard	
	Khung quy chế chứng thực và danh sách chứng thư Certificate Policy and Certification Practices Framework	
	Giao thức lưu trữ, truy xuất chứng thư số Certificate storage and retrieval protocol	
	Giao thức kiểm tra trạng thái chứng thư số Certificate Status Protocol	
...		